

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 15/8/2025

“V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nghiêm Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nông Văn Điền và ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Anh Hào – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1961

Trú tại: Số 29, đường Nguyễn Trãi, thôn 6, xã Đ (tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện Đ cũ), tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: ông Lê Trung T, sinh năm 1982; bà Hoàng Lan H, sinh năm 1986

Cùng trú tại: thôn 9, xã Đ (tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện Đạ Huoai cũ), tỉnh Lâm Đồng.

(Bà P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T, bà H vắng mặt lần hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 13/7/2022 bà P có cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), khi vay hai bên thỏa thuận miệng với nhau về tiền lãi, thời hạn cuối cùng trả nợ gốc và lãi là ngày 04/11/2022. Hết hạn trả nợ nhưng ông T và bà H vẫn chưa trả cho bà P. Bà P xác nhận ông T, bà H đã trả 24.000.000đ (hai mươi bốn

triệu đồng) tiền lãi tính đến ngày 04/11/2022, sau đó ông T, bà H chưa trả thêm bất kỳ khoản tiền nào. Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Trung T và bà Hoàng Lan H có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) gốc vay và tiền lãi phát sinh. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/7/2025 nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi 0,83%/tháng để tính lãi đối với số nợ gốc 200.000.000đ nhưng đến ngày 13/8/2025 nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án áp dụng mức lãi 1,66%/tháng để tính đối với số nợ gốc còn lại như đơn khởi kiện và các bản tự khai trước đó bà đã yêu cầu. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 05/11/2022 đến ngày 15/8/2025 là 33 tháng 10 ngày với mức lãi suất 1,66%/tháng. Cụ thể $200.000.000đ \times 1,66\% \times 33 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 110.666.000đ$ (*Một trăm mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Tổng số tiền bà P yêu cầu ông T, H trả là 310.666.000 (*ba trăm mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*); gồm gốc là 200.000.000đ, lãi là 110.666.000đ. Bà P yêu cầu ông T, bà H phải tiếp tục chịu lãi đối với 200.000.000đ tiền gốc vay từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Theo bản tự khai ngày 09/6/2025 của bà Hoàng Lan H có chữ ký xác nhận của ông T thể hiện: vợ chồng bà H, ông T có quan hệ làm ăn với bà P trong suốt hơn 10 năm, trong khoảng thời gian đó vợ chồng bà H, ông T huy động vốn thông qua hình thức chơi hụi, chơi tiền góp có khi lên đến 1 tỷ đồng; sau đó do làm ăn khó khăn nên đã dừng việc làm ăn chung với bà P và đã thanh toán hết tiền gốc còn nợ lại số tiền 200 triệu đồng, khoản tiền này được các bên chốt lại, xác nhận và đồng thời có lập giấy vay tiền tại thời điểm đó. Vợ chồng bà H, ông T đã trả lãi cho bà P hàng tháng với số tiền 12 triệu đồng bằng tiền mặt đối với khoản vay 200 triệu đồng; việc trả lãi liên tục hàng tháng kể từ ngày xác lập giấy vay tiền. Do làm ăn khó khăn, thua lỗ nên vợ chồng bà H, ông T có thỏa thuận với bà P xin ngưng đóng tiền lãi, việc ngưng đóng lãi kéo dài 02 năm nhằm để vợ chồng bà H, ông T ổn định công việc, xoay xở trả gốc cho bà P. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thì bà H, ông T cho rằng: về tiền lãi tạm tính đến ngày 04/5/2025 là 99.600.000đ là không hợp lý bởi lẽ tính từ thời điểm xác nhận nợ vợ chồng bà H, ông T có trả lãi cho bà P 14 tháng mỗi tháng 12 triệu đồng tổng cộng số tiền lãi đã trả là 168.000.000đ (*một trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Như vậy mức lãi mà bà P tính là 6%/tháng, tức là 72%/năm vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định. Thời điểm hai bên xác lập giấy vay tiền tạm tính đến ngày bà P khởi kiện là 48 tháng (bà H không xác định được chính xác ngày tháng cụ thể), $200.000.00đ \times 20\%/12\text{tháng} \times 48 \text{ tháng} = 160.000.000đ$; vợ chồng bà H, ông T đã trả 168.000.000đ vậy số tiền lãi dư là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) bà H, ông T yêu cầu căn trừ vào tiền gốc vay.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà H vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, phiên tòa được tiến hành đúng trình tự, thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng; quan hệ tranh chấp được Tòa án xác định là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà P khởi kiện bị đơn ông T, bà H yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, ông T, bà H có địa chỉ cư trú tại: thôn 9, xã Đ (tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện Đ cũ), tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Qua quá trình tố tụng: bị đơn ông T, bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật áp dụng: giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập ngày 13/7/2022 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P:

+ Về tiền gốc vay: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 200.000.000đ tiền gốc vay, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 13/7/2022 có chữ ký

xác nhận của bị đơn; thời hạn cuối cùng trả nợ gốc và lãi là ngày 04/11/2022; hết thời hạn cho vay bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn. Theo bản tự khai ngày 09/6/2025 bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) tiền gốc vay, do làm ăn khó khăn nên chưa trả tiền gốc vay cho nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng minh nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 200.000.000đ tiền gốc vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về yêu cầu tính lãi: nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức tính lãi là 20%/năm (1,66%/tháng); theo bản tự khai ngày 09/6/2025 bị đơn đề nghị áp dụng mức lãi 20%/năm (1,66%/tháng) để tính lãi đối với khoản tiền gốc 200.000.000đ. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/7/2025 nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi 0,83%/tháng để tính lãi đối với số nợ gốc 200.000.000đ nhưng đến ngày 13/8/2025 nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án áp dụng mức lãi 1,66%/tháng để tính đối với số nợ gốc còn lại như đơn khởi kiện và bản tự khai trước đó của nguyên đơn. Do vậy, mức lãi mà các bên đề nghị áp dụng là phù hợp với quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: nguyên đơn xác nhận đã nhận của bị đơn 24.000.000đ (*hai mươi tư triệu đồng*) tiền lãi từ ngày 13/7/2022 đến ngày 4/11/2022 là 3 tháng 21 ngày; Theo quy định tiền lãi được xác định như sau $200.000.000đ \times 1,66\% \times 3 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 12.283.999đ$ (*mười hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*). Do vậy, số tiền 24.000.000đ trả lãi từ ngày 13/7/2022 đến 04/11/2022 là không phù hợp; thực tế hai bên xác lập giấy vay tiền từ ngày 13/7/2022 đến ngày xét xử 15/8/2025 là 37 tháng 02 ngày, cụ thể : $200.000.000đ \times 1,66\% \times 37 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 123.061.000đ$ (*một trăm hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Như vậy, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi sau $123.061.000đ - 24.000.000đ = 99.061.000đ$ (*chín mươi chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn số tiền 168.000.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*)/48 tháng tiền lãi nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi; mặt khác thời điểm hai bên xác lập giấy vay tiền là ngày 13/7/2022 đến ngày xét xử 15/8/2025 là 37 tháng 02 ngày; bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn 48 tháng tiền lãi là không phù hợp. Do vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Tổng cộng số tiền mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 299.061.000đ (*hai trăm chín mươi chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*) gồm gốc là 200.000.000đ; lãi là 99.061.000đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lâm Đồng về phần thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn ông Lê Trung T và bà Hoàng Lan H

Buộc ông Lê Trung T và bà Hoàng Lan H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 299.061.000đ (*hai trăm chín mươi chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*) gồm gốc là 200.000.000đ; lãi là 99.061.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả.

2. Về án phí:

Ông Lê Trung T và bà Hoàng Lan H phải chịu 14.953.000đ (*Mười bốn triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nghiêm Văn Hải